

## HỢP ĐỒNG MUA BÁN

Số: 12/HĐMB/2021

Các căn cứ để ký kết Hợp đồng:

- Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ngày 24/11/2015 có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;
- Căn cứ vào Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ban hành ngày 14/6/2005 của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ vào khả năng và nhu cầu hợp tác của hai Bên.

Hôm nay, ngày 01. tháng 01. năm 2021, tại HTX Nông nghiệp Ba sạch, chúng tôi gồm có:

**BÊN A(Bên bán): HỢP TÁC XÃ NÔNG NGHIỆP BA SẠCH HƯNG ĐẠO**

Địa chỉ : Xóm Ngọc Quyển, xã Hưng Đạo, TP Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng

Điện thoại : 0916 968 307

Fax:

Mã số thuế : 4800898894

Số tài khoản : 8314201012650 tại Agrbank chi nhánh thành phố Cao Bằng.

Đại diện : Ông Lại Đức Thứ

Chức vụ: Giám đốc

**BÊN B(Bên mua): CÔNG TY TNHH LITTLE ORGANIC HOME VIỆT NAM**

Địa chỉ : Số 27, ngõ 10, tổ 4 phường Kiến Hưng, Quận Hà Đông, TP Hà Nội.

Điện thoại : 0919358880

Fax:

Mã số thuế : 0107687240

Đại diện : Bà Mai Kim Anh

Chức vụ: Giám đốc

Hai Bên thống nhất ký kết Hợp đồng ký gửi với các Điều khoản sau:

### **ĐIỀU 1: ĐỐI TƯỢNG CỦA HỢP ĐỒNG**

- 1.1 Bên A đồng ý bán cho Bên B các mặt hàng nông sản, thực phẩm khô do bên A sản xuất với giá cả được hai bên thỏa thuận trực tiếp.

Hàng hóa do bên A giao cho bên B phải có đầy đủ chứng từ, hóa đơn phù hợp với các quy định của Nhà Nước, không có hàng giả, nhái thương hiệu.

- 1.2 Sản phẩm do Bên A cung cấp đảm bảo đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn đối với mặt hàng thực phẩm và phù hợp với các quy định pháp luật có liên quan. Tất cả các sản phẩm Bên A cung cấp đáp ứng đầy đủ các quy định về ghi nhãn hàng hóa theo quy định của nhà nước.

### **Điều 2: PHƯƠNG THỨC ĐẶT HÀNG VÀ GIAO NHẬN HÀNG HÓA**

- 2.1 Bên B đặt hàng mua sản phẩm của Bên A bằng Fax hoặc email hoặc điện thoại để xác nhận đơn đặt hàng. Việc giao nhận hàng và thanh toán sẽ căn cứ trên Phiếu xuất kho kèm Phiếu giao hàng của Bên A đã được đại diện Bên B ký nhận.
- 2.2 Hàng hóa được giao tại kho bên A theo đúng số lượng, mẫu mã và chủng loại theo đơn đặt hàng của bên B. Bên A chịu trách nhiệm trước mọi khiếu nại của khách hàng về chất lượng hàng hóa.



- 2.3 Bên A cam kết chuẩn bị đủ hàng để giao cho bên B. Trong trường hợp vì một lý do nào đó, bên A không đủ năng lực cung ứng hàng, bên A có trách nhiệm thông báo cho bên B trước 02 ngày làm việc so với thời gian bên B yêu cầu giao hàng.
- 2.4 Khi giao hàng, bên B giao cho bên A biên bản giao nhận, phiếu xuất kho hàng hóa ghi rõ từng mặt hàng, số lượng, trị giá thực nhập, hóa đơn tài chính và các chứng từ liên quan khác (nếu có).
- 2.5 Phương tiện vận chuyển và chi phí vận chuyển do bên B chịu. Trường hợp thay đổi địa điểm giao hàng, Bên A phải thông báo ngay khi đặt hàng cho Bên B.

### **ĐIỀU 3: GIÁ CẢ VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN**

#### **3.1 Giá cả:**

Giá cả thanh toán giữa hai bên được thống nhất như ở **Mục 1.1 – Điều 1** của Hợp đồng này. Mọi sự thay đổi về giá phải được sự thỏa thuận, thống nhất giữa hai bên và thể hiện bằng phụ lục hợp đồng.

Khi có sự thay đổi về giá, bảng giá mới chỉ được áp dụng sau 07 ngày làm việc kể từ ngày thông báo và được hai bên xác nhận.

#### **3.2 Phương thức thanh toán:**

Đồng tiền thanh toán: đồng tiền Việt Nam.

Hai bên thống nhất sau khi nhận hàng và các giấy tờ kèm theo sẽ thực hiện đối chiếu và tiến hành thanh toán tiền hàng.

### **ĐIỀU 4: XỬ LÝ CÁC VẤN ĐỀ PHÁT SINH**

- 4.1 Trong quá trình thực hiện hợp đồng, khi có vấn đề phát sinh liên quan đến việc cung ứng hàng hóa, giao nhận và thanh toán, hai bên sẽ bàn bạc và thống nhất để giải quyết trên tinh thần hợp tác hai bên cùng có lợi.

### **ĐIỀU 5: TRÁCH NHIỆM, NGHĨA VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA BÊN A**

- 5.1 Có trách nhiệm cung cấp cho Bên B các sản phẩm đảm bảo chất lượng như đã đăng ký hoặc công bố với cơ quan có thẩm quyền về đăng ký và công bố các sản phẩm.
- 5.2 Bên A chịu trách nhiệm pháp lý về hoạt động của mình cũng như xuất xứ hàng hóa, đảm bảo hàng hóa thuộc quyền quản lý hợp pháp của bên A.
- 5.3 Bên A chịu trách nhiệm hoàn toàn về chất lượng sản phẩm đối với người tiêu dùng và các thủ tục pháp lý về sự lưu hành sản phẩm trên thị trường.
- 5.4 Chịu trách nhiệm về nguồn gốc, xuất xứ và chất lượng hàng hóa. Hàng hóa phải đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng trong suốt quá trình vận chuyển, bảo quản và đến tay người tiêu dùng. Bao bì, mẫu mã và ký hiệu hàng hóa không được vi phạm các quy định của Nhà nước về in ấn, đăng ký nhãn hiệu, quảng cáo....
- 5.5 Có trách nhiệm hướng dẫn cho Bên B thông tin về sản phẩm nhằm hỗ trợ cho việc tiếp thị và phân phối sản phẩm của bên A.
- 5.6 Trong thời gian lưu trữ tại kho hoặc bày bán trên cửa hàng của Bên B, sản phẩm bị hư hỏng, biến dạng,...do các nguyên nhân của nhà sản xuất, bên A phải có trách nhiệm hoàn đổi lại cho bên B toàn bộ số hàng đó.
- 5.7 Bên A không nhận lại hàng bị hư hỏng do lỗi của bên B trong quá trình trưng bày, bảo quản.

### **ĐIỀU 6: TRÁCH NHIỆM, NGHĨA VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA BÊN B**

- 6.1 Khi nhận hàng, bên B kiểm tra số lượng, chất lượng, các chứng từ kèm theo và người chịu trách nhiệm nhận hàng của bên B phải ký nhận vào biên bản giao nhận hàng lập

D:110  
HỢP  
ĐỒNG  
BA  
HUN  
BÁN



với bên A. Bên B có trách nhiệm báo cho bên A các sản phẩm bị lỗi, hư hỏng bao bì, nhãn mác trong khi kiểm tra để bên A hoàn đổi toàn bộ các sản phẩm đó cho bên B.

6.2 Sau khi đã xác nhận về chất lượng, số lượng hàng hóa và hàng hóa được xếp vào kho, quầy của bên B, bên B có trách nhiệm bảo quản hàng hóa theo đúng các quy định ghi trên sản phẩm và hướng dẫn của bên A.

6.3 Thanh toán tiền bán hàng theo thỏa thuận của Hợp đồng.

## ĐIỀU 7: THỜI HẠN HỢP ĐỒNG

7.1. Thời hạn Hợp đồng là: 01 năm kể từ ngày ký. Nếu trong quá trình thực hiện hợp đồng không có điều khoản nào vi phạm, hoặc 2 bên không cần điều chỉnh gì khác, hợp đồng mặc định tiếp tục gia hạn thêm 01 năm tiếp theo.

## ĐIỀU 8: HIỆU LỰC

8.1. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký cho đến khi một trong các Bên muốn sửa đổi hay chấm dứt Hợp đồng.

8.2. Hợp đồng này có thể chấm dứt khi:

a) Do các Bên thấy cần ký lại Hợp đồng mới và thanh lý Hợp đồng này trước thời hạn;

b) Do một trong các Bên muốn chấm dứt Hợp đồng, Bên muốn chấm dứt hợp đồng phải gửi văn bản đến Bên cùng ký kết nêu rõ nguyên nhân hủy hợp đồng và phải gửi trước 15 (mười lăm) ngày so với ngày muốn chấm dứt hợp đồng. Trong vòng 01 tháng kể từ ngày chấm dứt hợp đồng, hai Bên có trách nhiệm đối chiếu, chuyển trả hàng tồn, thanh toán công nợ. Nếu quá thời hạn trên, mọi chi phí phát sinh liên quan đến lượng hàng tồn của hợp đồng này sẽ do Bên chậm trễ, thiếu hợp tác chịu

c) Do một trong hai Bên vi phạm bất kỳ điều khoản nào trong Hợp đồng này mà không khắc phục hoặc chấm dứt vi phạm trong vòng 60 ngày kể từ ngày nhận thông báo bằng văn bản của Bên không vi phạm.

8.3. Trong trường hợp có sự sửa đổi bổ sung Hợp đồng này thì các điểm sửa đổi, bổ sung sẽ được lập thành phụ lục Hợp đồng.

## ĐIỀU 9: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

9.1. Nếu có bất cứ tranh chấp nào phát sinh từ Hợp đồng này và/hoặc trong quá trình thực hiện Hợp đồng thì sẽ được các Bên giải quyết trên tinh thần thiện chí, hợp tác. Nếu tranh chấp không thể được giải quyết thông qua hòa giải, thương lượng hữu nghị giữa các Bên trong vòng 60 ngày kể từ khi bắt đầu thảo luận, thì tranh chấp đó có thể được một và/hoặc các Bên đưa ra giải quyết tại Tòa kinh tế Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng. Phán quyết của Tòa án sẽ là bắt buộc và cuối cùng, Bên thua kiện sẽ chịu án phí và các chi phí phát sinh, bao gồm cả chi phí thuê luật sư.

9.2. Nếu bất cứ điều khoản nào trong Hợp đồng này trở thành bất hợp pháp hay không hiệu lực thi hành vì bất cứ lý do nào, thì giá trị pháp lý của những điều khoản còn lại sẽ không bị ảnh hưởng.

9.3. Hợp đồng này được lập thành 04 bản có giá trị pháp lý như nhau, Bên A giữ 02 (hai) bản, Bên B giữ 02 (hai) bản để thực hiện.



7000  
C X  
GHI  
CH  
ĐAG  
T.CN

## PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG

Danh mục các mặt hàng bên A cung cấp cho bên B bao gồm:

1. Đồ tương Việt Nam thuần chủng DT84, DT90
2. Nấm hương khô
3. Mộc nhĩ khô
4. Đồ xanh
5. Đồ đen
6. Vùng đen
7. Gạo
8. Thạch đen





## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

| Mã số mẫu :                                                                                                                                                                                                                                                                              | 743-2024-00048991                           |  |                                                              |                           |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|---------------------------|
| Mã số kết quả :                                                                                                                                                                                                                                                                          | AR-24-VD-052614-02 / EUVNHC-00264314        |                                                                                     |                                                              |                           |
| <b>Công ty TNHH Little Organic Home Việt Nam (Loho)</b><br>Số 27, Ngõ 10, Tổ 4, Phường Kiến Hưng, Quận Hà Đông<br>Thành phố Hà Nội, Việt Nam                                                                                                                                             |                                             |                                                                                     |                                                              |                           |
| Tên mẫu : THẠCH TƯƠI LOHO<br>Tình trạng mẫu : Mẫu đựng trong hộp nhựa<br>Ngày nhận mẫu : 12/04/2024<br>Thời gian thử nghiệm : 12/04/2024 - 19/04/2024<br>Ngày hẹn trả kết quả khách hàng : 19/04/2024<br>Mã số PO của khách hàng : NGM22404121778-HN<br>Mã số mẫu Eol : 005-32410-259109 |                                             |                                                                                     |                                                              |                           |
| STT                                                                                                                                                                                                                                                                                      | CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM                         | ĐƠN VỊ                                                                              | PHƯƠNG PHÁP THỬ                                              | KẾT QUẢ                   |
| 1                                                                                                                                                                                                                                                                                        | VW019 VW (a) <i>Escherichia coli</i>        | cfu/ g                                                                              | TCVN 7924-2:2008 (ISO 16649-2:2001)                          | Không phát hiện (LOD=10)  |
| 2                                                                                                                                                                                                                                                                                        | VW00G VW (a) <i>Staphylococcus aureus</i>   | cfu/ g                                                                              | ISO 6888-1:2021                                              | Không phát hiện (LOD=10)  |
| 3                                                                                                                                                                                                                                                                                        | VW014 VW (a) <i>Clostridium perfringens</i> | cfu/ g                                                                              | TCVN 4991:2005 (ISO 7937:2004)                               | Không phát hiện (LOD=10)  |
| 4                                                                                                                                                                                                                                                                                        | VD157 VD (a) Xơ Dinh Dưỡng                  | g/ 100 g                                                                            | AOAC 991.43                                                  | 0.83                      |
| 5                                                                                                                                                                                                                                                                                        | VW0A2 VW Carbohydrates                      | %                                                                                   | AOAC 986.25                                                  | 15.4                      |
| 6                                                                                                                                                                                                                                                                                        | VW0A4 VW Năng lượng                         | kcal/ 100 g                                                                         | FAO 2003 77                                                  | 63.0                      |
| 7                                                                                                                                                                                                                                                                                        | VW066 VW (a) Protein                        | %                                                                                   | N79-R-RD1-TP-9757 (Ref. TCVN 8125:2015)                      | Phát hiện vết (<0.3)      |
| 8                                                                                                                                                                                                                                                                                        | VW07W VW (a) Tro Tổng                       | %                                                                                   | N79-R-RD1-TP-9759 (Ref. AOAC 923.03)                         | Phát hiện vết (<0.3)      |
| 9                                                                                                                                                                                                                                                                                        | VW083 VW (a) Độ ẩm                          | %                                                                                   | N79-R-RD1-TP-9762 (Ref. ISO 1573:1980)                       | 84.0                      |
| 10                                                                                                                                                                                                                                                                                       | VW081 VW (a) Béo tổng                       | %                                                                                   | N79-R-RD1-TP-9756 (Ref. TCVN 8136:2009)                      | Không phát hiện (LOD=0.1) |
| 11                                                                                                                                                                                                                                                                                       | VD030 VD (a) Kali sorbat                    | mg/ kg                                                                              | EVN-R-RD-1-TP-3578 (Ref. ISO 22855:2008; TCVN 8122: 2009)    | Không phát hiện (LOD=10)  |
| 12                                                                                                                                                                                                                                                                                       | VD030 VD (a) Natri benzoat                  | mg/ kg                                                                              | EVN-R-RD-1-TP-3578 (Ref. ISO 22855:2008; TCVN 8122: 2009)    | Không phát hiện (LOD=10)  |
| 13                                                                                                                                                                                                                                                                                       | VW072 VW (a) Chì (Pb)                       | mg/ kg                                                                              | N79-R-RD1-TP-12629 (Ref. AOAC 2015.01)                       | Phát hiện vết (<0.05)     |
| 14                                                                                                                                                                                                                                                                                       | VWUEF VW Faecal Streptococci (Enterococci)  | cfu/ g                                                                              | N79-R-RD2-TP-15757 (Ref TCVN 6189-2: 2009 (ISO 7899-2:2000)) | Không phát hiện (LOD=10)  |
| 15                                                                                                                                                                                                                                                                                       | VWYIK VW <i>Pseudomonas aeruginosa</i>      | cfu/ g                                                                              | N79-R-RD2-TP-15756 (Ref. ISO 16266:2006)                     | Không phát hiện (LOD=10)  |
| LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.                                                                                                                                                                                                                                                 |                                             |                                                                                     |                                                              |                           |

## EUROFINS SAC KY HAI DANG COMPANY LIMITED

[1] HCMC laboratory: Lot E2b-3, Street D6, Sai Gon High-Tech Park, Thu Duc City, HCMC.

[2] Can Tho branch: KVIP, Tra Noc 2 IP, O Mon District, Can Tho City.

Web: www.eurofins.vn

Document number: EVN-P-AR-FO3559

[3] Hanoi branch: 4F, B Building, 103 Van Phuc, Ha Dong District, Ha Noi.

Phone: (84.28) 7107 7879

Version: 10

Email: VN01\_ASM\_HCMC@eurofinsasia.com

Effective date: 24/05/2023

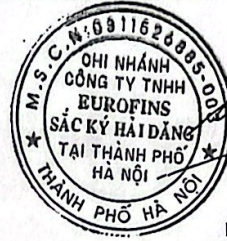




## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ký tên

Trần Thị Mỹ Dung  
Giám đốc Chi nhánh Hà Nội



Lý Hoàng Hải  
Tổng Giám Đốc

án kết quả được xác nhận điện tử bởi Trần Thị Mỹ Dung 04/07/2024, và được phê duyệt điện tử bởi Lý Hoàng Hải 04/07/2024.

## Ghi chú giải thích

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng cung cấp. Thông tin mẫu và thông tin khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.  
Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm hoặc tham chiếu đến Công ty TNHH Eurofins SẮC KÝ HẢI ĐĂNG trong các hoạt động quảng cáo, khuyến mại hoặc các hoạt động có thể gây xung đột lợi ích.  
Thông thường, mẫu được lưu giữ 7 ngày kể từ ngày gửi báo cáo (không áp dụng lưu mẫu đối với mẫu thử nghiệm vi sinh và mẫu dễ hư hỏng). Việc lưu mẫu có thể dài hơn theo hợp đồng đã thỏa thuận với khách hàng hoặc theo yêu cầu của cơ quan chức năng.  
Hết thời hạn lưu mẫu, Công ty TNHH Eurofins SẮC KÝ HẢI ĐĂNG không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.  
Báo cáo kết quả này được phát hành dựa trên cơ sở các yêu cầu đã thỏa thuận giữa Công ty TNHH Eurofins SẮC KÝ HẢI ĐĂNG và khách hàng; và, tuân theo "Điều khoản cung cấp dịch vụ chung", đăng tải tại [www.eurofins.vn/vn/eurofins-tai-viet-nam/eurofins-sac-ky-hai-dang/dieu-khoan-va-dieu-kien-chung-ve-cung-cap-dich-vu/](http://www.eurofins.vn/vn/eurofins-tai-viet-nam/eurofins-sac-ky-hai-dang/dieu-khoan-va-dieu-kien-chung-ve-cung-cap-dich-vu/).  
Mọi hành vi sao chép, thay đổi, giả mạo hoặc làm sai lệch nội dung hoặc hình thức một cách trái phép của tài liệu này đều là bất hợp pháp và người vi phạm có thể bị truy tố trước pháp luật.  
Các phương pháp bắt đầu với ký tự EVN; A39; N79; EHC là phương pháp nội bộ do PTN Eurofins SẮC KÝ HẢI ĐĂNG xây dựng.  
Các phép thử bắt đầu bởi ký tự "VD", "VE", "VV" và không có ký tự "EXT" đi kèm được thực hiện tại phòng thí nghiệm Eurofins SẮC KÝ HẢI ĐĂNG.  
(a): được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238.  
(\*Kết quả này thay cho kết quả số AR-24-VD-052614-01/743-2024-00048991, xuất ngày 07/06/2024; bản kết quả cũ sẽ bị hủy.)

CHUNG THỰC BAN SAO DUNG VỚI BAN CHÍNH  
Số chứng thực.....2.5.9.6.....Quyển số.....07.....SGT/BS

Ngày: 30-07-2024

TU. CHỦ TỊCH



CÔNG CHỨC TU PHÁP - HỘ TỊCH  
Nguyễn Thị Bích Hằng



EUROFINS SAC KY HAI DANG COMPANY LIMITED

[1] HCMC laboratory: Lot E2b-3, Street D6, Sai Gon High-Tech Park, Thu Duc City, HCMC.

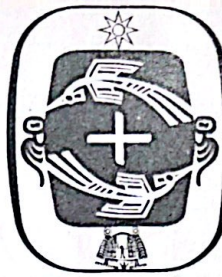
[2] Can Tho branch: KVIP, Tra Noc 2 IP, O Mon District, Can Tho City.

Web: [www.eurofins.vn](http://www.eurofins.vn)  
Document number: EVN-P-AR-FO3559

[3] Hanoi branch: 4F, B Building, 103 Van Phuc, Ha Dong District, Ha Noi.  
Phone: (84.28) 7107 7879  
Version: 10

Email: [VN01\\_ASM\\_HCMC@eurofinsasia.com](mailto:VN01_ASM_HCMC@eurofinsasia.com)  
Effective date: 24/05/2023





**BẢN SAO**

ISOCERT

Hải Hòa Cùng Thịnh Vượng

# GIẤY CHỨNG NHẬN

Số 1869293503245-2-HACCP

CHỨNG NHẬN HỆ THỐNG PHÂN TÍCH MỐI NGUY VÀ ĐIỂM KIỂM SOÁT TỐI HẠN CỦA

## CÔNG TY TNHH LITTLE ORGANIC HOME VIỆT NAM

Trụ sở chính: Số 27, Ngõ 10, Tổ 4, Phường Kiến Hưng, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Địa điểm sản xuất: Số 167, Ngõ 16, Tổ 4, Phường Kiến Hưng, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Được đánh giá và xác nhận phù hợp với yêu cầu của tiêu chuẩn:

## HACCP CODEX 2020

[CXG 1-1969, Rev2020/TCVN 5603:2023]

### PHẠM VI CHỨNG NHẬN:

Đóng gói và kinh doanh các sản phẩm từ đồ tương/đậu nành, sản phẩm thạch,

bánh gạo lức, vàng đậu tươi, tempeh đậu nành, tempeh đậu gà.

Số chứng thực: 3968 - Quyển số: 12 (Mã ngành: CII, CIV, FI)

Ngày: 25-12-2024

**TUQ. CHỦ TỊCH**

Ngày chứng nhận : 13.12.2024  
Ngày phát hành : 13.12.2024  
Ngày hết hạn : 12.12.2027  
Chi tiết tại quyết định số : 131224.07/QĐ-ISOCERT



Mã Truy Xuất Chứng Chỉ:  
1869293503245



VICAS 067-FSMS



ISOCERT  
HACCP CODEX 2020



ThS. Vũ Hoàng Tuấn

Tra cứu hiệu lực chứng chỉ tại: <https://isocert.org.vn/tra-cuu-hung-chi-iso>

### CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG NHẬN VÀ GIÁM ĐỊNH QUỐC TẾ ISOCERT

Số 40 dãy A, Lô 12 KĐT mới Định Công, Phường Định Công, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

Hotline: 1900.636.538, VPHN: 02473.036.538, VPHCM: 02873.056.538, Email: [contacts@isocert.org.vn](mailto:contacts@isocert.org.vn), Website: <http://isocert.org.vn>



## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

|                 |                                      |                                                                                     |
|-----------------|--------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|
| Mã số mẫu :     | 743-2024-00094763                    |  |
| Mã số kết quả : | AR-24-VD-097953-01 / EUVNHC-00278440 |                                                                                     |

Công ty TNHH Little Organic Home Việt Nam (Loho)

Số 27, Ngõ 10, Tổ 4, Phường Kiến Hưng, Quận Hà Đông

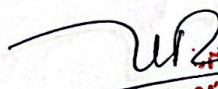
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

|                                   |                         |
|-----------------------------------|-------------------------|
| Tên mẫu :                         | THẠCH TƯƠI LOHO         |
| Tình trạng mẫu :                  | Mẫu đựng trong hộp nhựa |
| Ngày nhận mẫu :                   | 02/07/2024              |
| Thời gian thử nghiệm :            | 02/07/2024 - 07/07/2024 |
| Ngày hẹn trả kết quả khách hàng : | 08/07/2024              |
| Mã số PO của khách hàng :         | NGM2240702335-HN        |

| STT | CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM                       | ĐƠN VỊ | PHƯƠNG PHÁP THỬ                                                          | KẾT QUẢ                     |
|-----|-------------------------------------------|--------|--------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|
| 1   | VW015 VW (a) <i>Coliforms</i>             | cfu/ g | TCVN 6848:2007 (ISO 4832:2006)                                           | Không phát hiện<br>(LOD=10) |
| 2   | VW022 VW (a) Tổng số nấm men, nấm mốc     | cfu/ g | TCVN 8275-1:2010 (ISO 21527-1:2008); TCVN 8275-2:2010 (ISO 21527-2:2008) | Không phát hiện<br>(LOD=10) |
| 3   | VW012 VW (a) Tổng số vi sinh vật hiếu khí | cfu/ g | ISO 4833-1:2013/Amd 1-2022                                               | Không phát hiện<br>(LOD=10) |

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.

Ký tên

  
Hàng thực BAN SẠO ĐUNG VỚI BAN CHỈ NHÁNH  
SỐ CHỨNG THỰC 2.5.9.4..... QUYỀN SỐ 7  
Ngày: 30-07-2024

Trần Thị Mỹ Dung  
Giám đốc Chi nhánh Hà NộiLý Hoàng Hải  
Tổng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Trần Thị Mỹ Dung 10/07/2024, và được phê duyệt điện tử bởi Lý Hoàng Hải 10/07/2024.

## Ghi chú giải thích

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng cung cấp. Thông tin mẫu và thông tin khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm hoặc tham chiếu đến Công ty TNHH Eurofins Sack Ky Hai Dang trong các hoạt động quảng cáo, khuyến mại hoặc các hoạt động có thể gây xung đột lợi ích.

Thông thường, mẫu được lưu giữ 7 ngày kể từ ngày gửi báo cáo (không áp dụng lưu mẫu đối với mẫu thử nghiệm vi sinh và mẫu dễ hư hỏng). Việc lưu mẫu có thể dài hơn theo hợp đồng đã thỏa thuận với khách hàng hoặc theo yêu cầu của cơ quan chức năng.

Hết thời hạn lưu mẫu, Công ty TNHH Eurofins Sack Ky Hai Dang không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.

Báo cáo kết quả này được phát hành dựa trên cơ sở các yêu cầu đã thỏa thuận giữa Công ty TNHH Eurofins Sack Ky Hai Dang và khách hàng; và tuân theo "Điều khoản cung cấp dịch vụ chung", đăng tải [www.eurofins.vn/vn/eurofins-tai-viet-nam/eurofins-sack-ky-hai-dang/dieu-khoan-va-dieu-kien-chung-ve-cung-cap-dich-vu/](http://www.eurofins.vn/vn/eurofins-tai-viet-nam/eurofins-sack-ky-hai-dang/dieu-khoan-va-dieu-kien-chung-ve-cung-cap-dich-vu/).

Mọi hành vi sao chép, thay đổi, giả mạo hoặc làm sai lệch nội dung hoặc hình thức một cách trái phép của tài liệu này đều là bất hợp pháp và người vi phạm có thể bị truy tố trước pháp luật.

Các phương pháp bắt đầu với ký tự EVN; A39; N79; EHC là phương pháp nội bộ do PTN Eurofins Sack Ky Hai Dang xây dựng.

Các phép thử bắt đầu bởi ký tự "VD", "VE", "VW" và không có ký tự "EXT" đi kèm được thực hiện tại phòng thí nghiệm Eurofins Sack Ky Hai Dang.

(a): được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238.

TUỢ CHỦ TỊCH



CÔNG CHỨC TỰ PHÁP - HỘ TỊCH

EUROFINS SACK KY HAI DANG COMPANY LIMITED

[1] HCMC laboratory: Lot E2b-3, Street D6, Sai Gon High-Tech Park, Thủ Đức City, HCMC.

[2] Can Tho branch: KVIP, Tra Noc 2 IP, O Mon District, Can Tho City.

Web: [www.eurofins.vn](http://www.eurofins.vn)

Document number: EVN/AR/EP/2350

[3] Hanoi branch: 4F, B Building, 103 Van Phuc, Ha Dong District, Ha Noi.

Phone: (84.28) 7107 7879

Email: [VN01\\_ASM\\_HCMC@eurofinsasia.com](mailto:VN01_ASM_HCMC@eurofinsasia.com)

Effective date: 24/05/2023



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 10/LOHO/2024

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: CÔNG TY TNHH LITTLE ORGANIC HOME VIỆT NAM

Địa chỉ:

Trụ sở chính: Số 27, Ngõ 10, Tổ 4, Phường Kiến Hưng, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Địa điểm sản xuất: Số 167, Ngõ 16, Tổ 4, Phường Kiến Hưng, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại: 024-36570034

Mã số kinh doanh: 0107687240

Số Giấy chứng nhận Hệ thống phân tích mối nguy và điểm kiểm soát tới hạn

HACCP: 1869293503245-2-HACCP

Ngày cấp: 13/12/2024

Nơi cấp: Công ty Cổ phần chứng nhận và giám định quốc tế ISOCERT

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: Thạch tươi Loho

2. Thành phần: lá thạch đen, đường vàng, nước, bột năng

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 05 ngày trong điều kiện lạnh (2oC) kể từ ngày sản xuất. Ngày sản xuất và Hạn sử dụng xem trên bao bì sản phẩm.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

+ Quy cách đóng gói: Đóng gói bao bì PP, PE, PA hoặc tùy theo yêu cầu của khách hàng. Cam kết bao bì đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y Tế.

+ Khối lượng tùy thuộc vào yêu cầu của khách hàng.



**5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm (trường hợp thuê cơ sở sản xuất):** HTX Nông nghiệp Ba Sạch Hưng Đạo. Địa chỉ: xóm Ngọc Quyển, xã Hưng Đạo, TP. Cao Bằng, Cao Bằng

**III. Mẫu nhãn sản phẩm** (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm)

**IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm**

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 8-2:2011/BYT về giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành
- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 8-3:2011/BYT về giới hạn ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành
- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 8-1:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm
- Thông tư số 50/2016/TT-BYT ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Y tế về Quy định giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Hà Nội, ngày 14 tháng 12 năm 2024

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN**

(Ký tên, đóng dấu)



**GIÁM ĐỐC**

*Mai Kim Anh*





## NỘI DUNG GHI NHÃN DỰ THẢO

**Tên sản phẩm:** Thạch tươi Loho

**Thành phần:** lá thạch đen, đường vàng, nước, bột năng

**Khối lượng:** 500gr +/- 5%

**Đối tượng sử dụng:** Mọi đối tượng

**Ngày sản xuất:** ...../...../.....

**Hạn sử dụng:** ...../...../.....

**Hướng dẫn sử dụng:** ăn liền, ăn với chè, kèm sữa hạt, trái cây giúp thanh nhiệt, vị mát, thơm tự nhiên, tùy ý sử dụng

**Hướng dẫn sử dụng, bảo quản:** bảo quản tủ mát 2oC

**Thông tin cảnh báo:** Sản phẩm chỉ có giá trị khi còn niêm phong, không sử dụng sản phẩm khi hết hạn

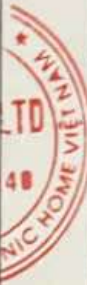
**Một sản phẩm của** CÔNG TY TNHH LITTLE ORGANIC HOME VIỆT NAM

**Địa chỉ:** Số 27, Ngõ 10, Tổ 4, Phường Kiến Hưng, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Sản xuất tại: HTX Nông Nghiệp Ba Sạch Hưng Đạo. Địa chỉ: xóm Ngọc Quyển, xã Hưng Đạo, TP. Cao Bằng, Cao Bằng

**Xuất xứ:** Việt Nam

**Số TCB:** 10/LOHO/2024





**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HỢP TÁC XÃ**

**Số: 4800898894**

*Đăng ký lần đầu, ngày 17 tháng 2 năm 2017*

*Đăng ký thay đổi lần thứ: 3, ngày 15 tháng 2 năm 2023*

**1. Tên hợp tác xã**

Tên hợp tác xã viết bằng tiếng Việt: **HỢP TÁC XÃ NÔNG NGHIỆP BA SẠCH HƯNG ĐẠO**

Tên hợp tác xã viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên hợp tác xã viết tắt:

**2. Địa chỉ trụ sở chính:** Xóm Ngọc Quyên, Xã Hưng Đạo, Thành phố Cao Bằng, Tỉnh Cao Bằng, Việt Nam

Điện thoại: 0916968307

Fax:

Email: hqtb243007@gmail.com

Website:

**3. Ngành, nghề kinh doanh**

| STT | Tên ngành                                                                                | Mã ngành     |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|
| 1   | Bán buôn thực phẩm                                                                       | 4632         |
| 2   | Hoạt động dịch vụ trồng trọt                                                             | 0161 (chính) |
| 3   | Hoạt động dịch vụ chăn nuôi                                                              | 0162         |
| 4   | Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch                                                          | 0163         |
| 5   | Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh                                           | 0118         |
| 6   | Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt                                          | 1010         |
| 7   | Hoạt động dịch vụ phục vụ cá nhân khác còn lại chưa được phân vào đâu                    | 9639         |
| 8   | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                         | 5610         |
| 9   | Dịch vụ ăn uống khác                                                                     | 5629         |
| 10  | Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện | 1629         |
| 11  | Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế                                                            | 3100         |
| 12  | Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản                                  | 1020         |
| 13  | Chế biến và bảo quản rau quả                                                             | 1030         |





|    |                                                                                                                                                    |      |
|----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 14 | Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột                                                                                                      | 1062 |
| 15 | Sản xuất các loại bánh từ bột                                                                                                                      | 1071 |
| 16 | Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự                                                                                                       | 1074 |
| 17 | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu                                                                            | 8299 |
| 18 | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải                                                                                                | 5229 |
| 19 | Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác                                                                                                            | 0112 |
| 20 | Trồng cây lấy củ có chất bột                                                                                                                       | 0113 |
| 21 | Trồng cây hàng năm khác                                                                                                                            | 0119 |
| 22 | Trồng cây ăn quả                                                                                                                                   | 0121 |
| 23 | Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm<br>- Trồng cây gia vị lâu năm (01281)<br>- Trồng cây dược liệu, hương liệu lâu năm (01282) | 0128 |
| 24 | Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò                                                                                                      | 0141 |
| 25 | Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn                                                                                                                | 0145 |
| 26 | Chăn nuôi gia cầm                                                                                                                                  | 0146 |
| 27 | Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm                                                                                                                | 0131 |
| 28 | Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm                                                                                                                 | 0132 |
| 29 | Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp                                                                                              | 0210 |
| 30 | Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ                                                                                                     | 4631 |
| 31 | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống                                                                             | 4620 |
| 32 | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                                                                             | 4653 |
| 33 | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                               | 4711 |
| 34 | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                   | 4722 |
| 35 | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu                                                                                                  | 4669 |
| 36 | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                           | 4773 |
| 37 | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                                                        | 5210 |

4. Vốn điều lệ: 800.000.000 (Tám trăm triệu đồng)

5. Người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã

Họ và tên : LẠI ĐỨC THỨ      Giới tính: Nam

Chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc



Sinh ngày: 25/09/1980    Dân tộc: Kinh    Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 034080011757

Ngày cấp: 07/04/2021    Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm Ngọc Quyên, Xã Hưng Đạo, Thành phố Cao Bằng, Cao Bằng, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Xóm Ngọc Quyên, Xã Hưng Đạo, Thành phố Cao Bằng, Cao Bằng, Việt Nam



**TRƯỞNG PHÒNG**

**Đinh Ngọc Khánh**





**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**GIẤY CHỨNG NHẬN**  
**CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM**

**SỞ CÔNG THƯƠNG TỈNH CAO BẰNG**  
**CHỨNG NHẬN**

**HỢP TÁC XÃ NÔNG NGHIỆP BA SẠCH HƯNG ĐẠO**

Mặt hàng kinh doanh: Miến dong, bún khô, gạo, các loại nông sản bao gói sẵn...

Chủ cơ sở: Ông Lại Đức Thứ

Địa chỉ kinh doanh: Xóm Ngọc Quyển, xã Hưng Đạo, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng

Điện thoại: 02063.751.899

**ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM THEO QUY ĐỊNH**

(Đối với các sản phẩm trong danh mục kèm theo)

Cao Bằng, ngày 04 tháng 8 năm 2022

**KT. GIÁM ĐỐC**  
**PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Đỗ Ngọc Linh**

Số cấp: 1148/GCNATTP-SCT

Giấy chứng nhận có hiệu lực

đến ngày 04/8/2025 và thay thế

Giấy chứng nhận số 974/GCNATTP-SCT

ngày 24/7/2019





## DANH SÁCH NHÓM SẢN PHẨM

theo Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm  
số 1148/GCNATTP-SCT ngày 04 tháng 8 năm 2022)

| STT        | Tên nhóm sản phẩm                                                   |
|------------|---------------------------------------------------------------------|
| <b>I</b>   | <b>Các nhóm thuộc quản lý của Bộ Y tế</b>                           |
| <b>II</b>  | <b>Các nhóm thuộc quản lý của Bộ Nông nghiệp và PTNT</b>            |
| 1          | Ngũ cốc: các loại gạo                                               |
| 2          | Sản phẩm rau, củ, quả                                               |
| 3          | Mật ong                                                             |
| 4          | Nông sản thực phẩm khác: Nấm hương, mộc nhĩ, măng khô, đỗ các loại. |
| <b>III</b> | <b>Các nhóm thuộc quản lý của Bộ Công Thương</b>                    |
| 1          | Bột, tinh bột: Miến dong, bún khô                                   |